

Bản án số: 45/ 2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 - 6- 2022  
V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Long

Bà Ngô Thị Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị D - sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn H - sinh năm: 1967 .

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, vắng mặt chị D, anh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2022, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào ngày 12/12/1988. Anh chị không đi đăng ký kết hôn nên không được ủy ban xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn 4, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn và sinh được 2 con chung. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên tìm cơ để gây sự, hành hung chị. Chị D đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Chị D và anh H có 2 con chung tên là Lê Thị M sinh năm 1989 và Lê Thị H sinh năm 1991 đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và đã lập gia đình riêng. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung.

Về tài sản: Chị D trình bày anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không có yêu cầu gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết và cũng không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Chị D cung cấp 02 công văn trả lời xác minh của UBND xã T (nơi cư trú của anh H) và UBND xã D (nơi cư trú của chị D trước khi chung sống với anh H) đều xác nhận: UBND xã rà soát, kiểm tra không có tên Nguyễn Thị D sinh năm 1969 và Lê Văn H sinh năm 1967 trong sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/3/2022, đại diện UBND xã T cung cấp: Anh Lê Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, hiện đang có mặt tại địa phương. Anh H và chị D sống chung với nhau từ năm 1988, có hai con chung là Lê Thị M sinh năm 1989 và Lê Thị H sinh năm 1991. UBND xã rà soát, kiểm tra không có tên Nguyễn Thị D sinh năm 1969 và Lê Văn H sinh năm 1967 trong sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình Luật: Chấp nhận yêu cầu của chị D, không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị D và Lê Văn H là vợ chồng. Về con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án chấp nhận đơn của chị D xử vắng mặt nguyên đơn. Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh H vắng mặt, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh H sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 12/12/1988 không đi đăng ký kết hôn. UBND xã T và UBND xã D đều xác nhận Nguyễn Thị D sinh năm 1969 và Lê Văn H sinh năm 1967 không có tên trong sổ đăng ký kết hôn còn lưu ở xã từ năm 1988 đến nay. Thời gian chị D và anh H chung sống với nhau đã nhiều lần phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị đã sống ly thân. Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh H

là vợ chồng. HĐXX xác định quan hệ hôn nhân của chị D và anh H là không hợp pháp do đó không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị D và anh H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị D và anh H có 2 con chung: Chị Lê Thị M sinh năm 1989 và Lê Thị H sinh năm 1991 đều đã trưởng thành. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1,2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị D và Lê Văn H là vợ chồng.

**2. Về con chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về tài sản:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0006493 ngày 11/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị D đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu**

